MỨC ĐỘ HÀI LÒNG VÀ NHU CẦU CỦA HỌC VIÊN VỀ CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN KHOA CẤP 1 NHI KHOA ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phùng Nguyễn Thế Nguyên[1], Trần Diệp Tuấn[1], Nguyễn Thái Sơn[1], Nguyễn Hoài Phong[1], Trần Đình Nguyên[1], Trần Thanh Thức[1]

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: *Nghiên cứu khảo sát về mức độ hài lòng và nhu cầu đào tạo của học viên chuyên khoa cấp 1 (CK1) tại bộ môn Nhi – Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHYD TP.HCM) nhằm đánh giá lại và cải tiến chương trình.*

Đối tượng - Phương pháp nghiên cứu: *Nghiên cứu khảo sát cắt ngang mô tả trên đối tượng học viên CK1 tại bộ môn Nhi - ĐHYD TP.HCM các khóa: 2020-2022, 2021-2023 và 2022-2024. Thu thập số liệu dựa trên bảng câu hỏi dựng sẵn.*

Kết quả: *Nghiên cứu ghi nhận được 155 phản hồi từ học viên các khóa. Tỉ lệ nam/nữ là 1/2,3, tuổi trung bình là 30 tuổi. Khoảng 1/3 các học viên (33%) tốt nghiệp đại học tại ĐHYD TP.HCM. Có 65 học viên (41,9%) đang công tác tại các bệnh viện chuyên khoa nhi hoặc bệnh viện sản nhi. Mức độ hài lòng chung của học viên về chương trình đào tạo trên thang điểm 10 là 7,98 ± 1,1. Các học viên nữ có mức độ hài lòng cao hơn (p=0,007). Mức độ hài lòng về nội dung và mục tiêu học tập tại mỗi phân môn cũng rất cao (>90%). Vẫn còn một số điểm cần được cải thiện trong chương trình đào tạo từ những đề xuất của học viên.*

Kết luận: *Nghiên cứu cho thấy một cái nhìn tổng quan về mức độ hài lòng và nhu cầu của học viên CK1 nhi khoa đối với chương trình đào tạo. Những phát hiện này sẽ rất hữu ích trong xây dựng và cải tiến chương trình.*

Từ khóa: *bác sĩ chuyên khoa cấp 1, nhi khoa, chương trình đào tạo, mức độ hài lòng, nhu cầu*

ABSTRACT

SATISFACTION AND NEEDS OF 1st-LEVEL SPECIALIZED MEDICAL TRAINEES ABOUT PEDIATRIC PROGRAM OF UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY

Phung Nguyen The Nguyen, Tran Diep Tuan, Nguyen Thai Son, Nguyen Hoai Phong, Tran Dinh Nguyen, Tran Thanh Thuc

* Ho Chi Minh City Journal of Medicine * Vol. 27 - No. 4 - 2024: 40 - 46

Objective: *We conducted a survey on the satisfaction and needs for training of 1st-level specialized medical trainees on the pediatric program at the Pediatrics Department, University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City (UMP), with the goal of reassessing and enhancing the curriculum.*

Methods: *A cross-sectional descriptive survey was conducted among 1st-level specialized medical trainees from the classes of 2020-2022, 2021-2023, and 2022-2024 at Pediatrics Department, UMP. Data were collected using a pre-structured questionnaire.*

Results: *The study recorded 155 responses from trainees across the cohorts. The male-to-female ratio was 1:2.3, with an average age of 30 years. Thirty-three percent of the trainees graduated from UMP. Sixty-five trainees (41.9%) were working in pediatric or obstetrics-pediatrics hospitals. The overall satisfaction level with the*

[1]Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Tác giả liên lạc: ThS.BS. Trần Thanh Thức *ĐT*: 038.738.6676 *Email*: tranthanhthuc@ump.edu.vn

Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, 27(4):40-46. DOI: 10.32895/hcjm.m.2024.04.07

training program was 7.98 ± 1.1 (on a scale of 1 being least satisfied and 10 being most satisfied). Female trainees reported higher satisfaction levels (p = 0.007). Satisfaction level with content and learning objectives in individual subjects was very high (>90%). However, some areas of the curriculum were identified as needing improvement based on trainees' suggestions.

Conclusion: *The study provides an overview of the satisfaction level and needs of 1st-level specialized medical trainees regarding the pediatric program. These findings are valuable for curriculum development and improvement.*

Keywords: *1st-level specialized medical trainee, pediatric, curriculum, satisfaction level, needs*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hệ thống giáo dục y khoa tại Việt Nam hiện nay, chuyên khoa cấp 1 (CK1) là một trong những hình thức đào tạo giúp cho các bác sĩ tiếp tục học tập, cải thiện bản thân sau khi kết thúc chương trình đại học[1]. Đây có thể xem là một bước chuẩn bị quan trọng và cực kì cần thiết cho các bác sĩ mới ra trường về mặt kiến thức, thái độ cũng như kỹ năng để trở thành 1 bác sĩ thật sự, với một chuyên ngành nhất định.

Hằng năm, bộ môn Nhi đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHYD TPHCM) tuyển sinh trung bình khoảng 100 học viên chuyên khoa cấp 1 với tỉ lệ chọi đầu vào dao động khoảng 1/1,5-1/2, tỉ lệ tốt nghiệp lần 1 là >90%[2,3]. Đối tượng được tham gia tuyển sinh là tất cả các bác sĩ trong phạm vi cả nước. Chương trình đào tạo chuyên khoa cấp 1 của Bộ môn Nhi, ĐHYD TPHCM gồm 2 năm học, được chia thành 3 phần chính bao gồm phần kiến thức chung, kiến thức cơ sở - hỗ trợ và kiến thức chuyên ngành với tổng cộng 100 đơn vị học trình.

Khảo sát về chất lượng đào tạo, mức độ hài lòng của học viên và nhu cầu học tập ngoài chương trình giảng dạy là rất cần thiết, nhằm không ngừng cải tiến chương trình để phù hợp hơn với nhu cầu người học và đạt hiệu quả đào tạo tối đa. Trên thế giới và tại Việt Nam cũng đã có nhiều nghiên cứu về vấn đề này[4-7]. Tuy nhiên, do đối tượng chuyên khoa cấp 1 là một đối tượng khá đặc thù tại Việt Nam, do đó vẫn còn rất ít nghiên cứu khảo sát trên đối tượng này.

Chúng tôi thực hiện khảo sát về mức độ hài lòng và nhu cầu đào tạo của học viên chuyên khoa cấp 1 tại bộ môn Nhi ĐHYD TPHCM nhằm đánh giá lại và cải tiến chương trình, từ đó nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập. Bên cạnh đó, số liệu thu được từ nghiên cứu có thể giúp ích cho các đơn vị khác có đào tạo đối tượng chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành nhi trong xây dựng và phát triển chương trình, với mong muốn cuối cùng không chỉ là cải thiện chất lượng giáo dục mà còn góp phần vào việc duy trì và phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng trong chăm sóc sức khỏe trẻ em.

ĐỐI TƯỢNG - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Học viên chuyên khoa cấp 1 nhi khoa tại ĐHYD TPHCM các khóa: 2020-2022, 2021-2023 và 2022-2024. Nghiên cứu thực hiện từ ngày 1/3/2024 đến ngày 31/3/2024.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát cắt ngang mô tả .

Cỡ mẫu

Chúng tôi sử dụng công thức ước tính tỷ lệ để xác định tỷ lệ hài lòng của học viên như sau:

$$n \geq Z^2_{1-\alpha/2} \times \frac{p(1-p)}{d^2} = 1{,}96^2 \times \frac{0{,}5 \times (1-0{,}5)}{0{,}08^2} = 151$$

Trong đó:

n: Cỡ mẫu,

Z: Trị số tra từ phân phối chuẩn (1,96),

α: Xác suất sai lầm loại 1,

p: chúng tôi giả sử p=0,5 để đạt cỡ mẫu tối đa,

d: độ sai số cho phép (chúng tôi chọn d=0,08).

Như vậy, chúng tôi cần tối thiểu 151 học viên tham gia phản hồi, trong khi đó tổng số học viên trong 3 khóa trên là khoảng 300 học viên. Do đó, nghiên cứu này hoàn toàn khả thi.

Phương pháp thực hiện

Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp định lượng, sử dụng bảng câu hỏi khảo sát để thu thập dữ liệu. Bảng khảo sát với 36 câu hỏi, gồm 3 phần chính:

Phần 1: Thông tin chung của học viên được khảo sát.

Phần 2: Các câu hỏi liên quan đến mức độ hài lòng của học viên về các khía cạnh của chương trình đào tạo bao gồm: lượng giá đầu vào, nội dung và mục tiêu giảng dạy tại mỗi phân môn, lượng giá tại mỗi phân môn và lượng giá đầu ra.

Phần 3: Các câu hỏi liên quan đến nhu cầu của học viên về các nội dung cần thêm vào đối với từng phân môn cụ thể.

Công cụ thu thập số liệu: qua google form với bảng câu hỏi dựng sẵn *(Bảng 1)*.

Bảng 1*. Bảng câu hỏi khảo sát mức độ hài lòng và nhu cầu của học viên về chương trình chuyên khoa cấp 1 Nhi khoa ĐHYD TPHCM*

1. Anh/Chị là học viên chuyên khoa cấp 1 khóa nào? O 2020-2022 O 2021-2023 O 2022-2024
2. Tuổi của Anh/Chị? (Chỉ điền số)
3. Giới tính của Anh/Chị? O Nam O Nữ
4. Anh/Chị tốt nghiệp đại học ở trường nào? (Viết rõ tên trường)
5. Thâm niên hành nghề trong lĩnh vực nhi khoa của Anh/Chị tính từ khi tốt nghiệp đại học đến khi học chuyên khoa cấp 1? (Tính bằng năm, chỉ điền số)
6. Trước khi học chuyên khoa cấp 1, Anh/Chị đang công tác tại đâu? O Bệnh viện chuyên khoa Nhi O Bệnh viện sản nhi O Bệnh viện tỉnh O Bệnh viện huyện O Bệnh viện tư nhân O Phòng khám đa khoa
7. Anh/Chị mong đợi gì nhất khi vào học chuyên khoa cấp 1 nhi khoa tại Đại học Y dược TP.HCM? (có thể chọn nhiều lựa chọn) O Kiến thức O Kỹ năng làm thủ thuật và chăm sóc bệnh nhi O Tính chuyên nghiệp O Tham vấn và giao tiếp O Khả năng tự học và tiến bộ O Khả năng thích ứng làm việc trong hệ thống chăm sóc sức khỏe O Bằng cấp
8. Anh/Chị đánh giá mức độ khó của kì thi tuyển sinh đầu vào chuyên khoa cấp 1 nhi khoa của Đại học Y dược TP.HCM như thế nào? (vui lòng chọn theo thang điểm từ 1 đến 10) Dễ nhất 1 O 2 O 3 O 4 O 5 O 6 O 7 O 8 O 9 O 10 O Khó nhất
9. Anh/Chị có hài lòng với nội dung và mục tiêu học tập tại phân môn Cấp cứu không? O Có O Không
10. Anh/Chị có đề xuất gì về chương trình đào tạo tại phân môn Cấp cứu không? Nội dung nào cần thêm vào? Nội dung nào cần bỏ bớt?
11. Anh/Chị có hài lòng với nội dung và mục tiêu học tập tại phân môn Hồi sức không? O Có O Không
12. Anh/Chị có đề xuất gì về chương trình đào tạo tại phân môn Hồi sức không? Nội dung nào cần thêm vào? Nội dung nào cần bỏ bớt?
13. Anh/Chị có hài lòng với nội dung và mục tiêu học tập tại phân môn Tim mạch không? O Có O Không
14. Anh/Chị có đề xuất gì về chương trình đào tạo tại phân môn Tim mạch không? Nội dung nào cần thêm vào? Nội dung nào cần bỏ bớt?
15. Anh/Chị có hài lòng với nội dung và mục tiêu học tập tại phân môn Thận – Nội tiết không? O Có O Không
16. Anh/Chị có đề xuất gì về chương trình đào tạo tại phân môn Thận – Nội tiết không? Nội dung nào cần thêm vào? Nội dung nào cần bỏ bớt?
17. Anh/Chị có hài lòng với nội dung và mục tiêu học tập tại phân môn Hô hấp không? O Có O Không
18. Anh/Chị có đề xuất gì về chương trình đào tạo tại phân môn Hô hấp không? Nội dung nào cần thêm vào? Nội dung nào cần bỏ bớt?
19. Anh/Chị có hài lòng với nội dung và mục tiêu học tập tại phân môn Tiêu hóa – Dinh dưỡng không? O Có O Không
20. Anh/Chị có đề xuất gì về chương trình đào tạo tại phân môn Tiêu hóa – Dinh dưỡng không? Nội dung nào cần thêm vào? Nội dung nào cần bỏ bớt?
21. Anh/Chị có hài lòng với nội dung và mục tiêu học tập tại phân môn Nhiễm – Thần kinh không? O Có O Không
22. Anh/Chị có đề xuất gì về chương trình đào tạo tại phân môn Nhiễm – Thần kinh không? Nội dung nào cần thêm vào? Nội dung nào cần bỏ bớt?
23. Anh/Chị có hài lòng với nội dung và mục tiêu học tập tại phân môn Huyết học không? O Có O Không
24. Anh/Chị có đề xuất gì về chương trình đào tạo tại phân môn Huyết học không? Nội dung nào cần thêm vào? Nội dung nào cần bỏ bớt?

25. Anh/Chị có hài lòng với nội dung và mục tiêu học tập tại phân môn Sơ sinh không?
O Có O Không

26. Anh/Chị có đề xuất gì về chương trình đào tạo tại phân môn Sơ sinh không? Nội dung nào cần thêm vào? Nội dung nào cần bỏ bớt?

27. Anh/Chị có tự tin khi thực hiện cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn cho bệnh nhi sau khi học xong chương trình chuyên khoa cấp 1? (Vui lòng chọn theo thang điểm từ 1 đến 10)

Ít tự tin nhất	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tự tin nhất
	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	

28. Anh/Chị có tự tin khi xử trí bệnh nhi suy hô hấp sau khi học xong chuyên khoa cấp 1? (Vui lòng chọn theo thang điểm từ 1 đến 10)

Ít tự tin nhất	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tự tin nhất
	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	

29. Anh/Chị có tự tin khi xử trí bệnh nhi sốc sau khi học xong chuyên khoa cấp 1? (Vui lòng chọn theo thang điểm từ 1 đến 10)

Ít tự tin nhất	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tự tin nhất
	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	

30. Anh/Chị có tự tin thực hiện đặt nội khí quản cho bệnh nhi sau khi học xong chuyên khoa cấp 1? (Vui lòng chọn theo thang điểm từ 1 đến 10)

Ít tự tin nhất	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tự tin nhất
	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	

31. Sau khi học xong chương trình chuyên khoa cấp 1, Anh/Chị có tự tin thực hiện thăm khám và giao tiếp với bệnh nhi và gia đình? (Vui lòng chọn theo thang điểm từ 1 đến 10)

Ít tự tin nhất	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tự tin nhất
	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	

32. Sau khi học xong chương trình chuyên khoa cấp 1, anh chị có tự tin trong chẩn đoán và điều trị các bệnh lý nhi khoa thường gặp? (Vui lòng chọn theo thang điểm từ 1 đến 10)

Ít tự tin nhất	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Tự tin nhất
	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	

33. Mức độ hài lòng chung của Anh/Chị về chương trình đào tạo chuyên khoa cấp 1 nhi khoa của Đại học Y dược TP.HCM như thế nào? (Vui lòng chọn theo thang điểm từ 1 đến 10)

Ít hài lòng nhất	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Hài lòng nhất
	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	

34. Anh/Chị đánh giá mức độ khó của kì thi lượng giá đầu ra chuyên khoa cấp 1 nhi khoa của Đại học Y dược TP.HCM như thế nào? (vui lòng chọn theo thang điểm từ 1 đến 10)

Dễ nhất	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	Khó nhất
	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	

35. Trong lượng giá cuối đợt tại mỗi phân môn, Anh/Chị đánh giá phân môn nào lượng giá khó nhất?
O Cấp cứu
O Hồi sức
O Tim mạch
O Thận – nội tiết
O Hô hấp
O Tiêu hóa – Dinh dưỡng
O Nhiễm – Thần kinh
O Huyết học
O Sơ sinh

36. Trong lượng giá cuối đợt tại mỗi phân môn, Anh/Chị đánh giá phân môn nào lượng giá dễ nhất?
O Cấp cứu
O Hồi sức
O Tim mạch
O Thận – nội tiết
O Hô hấp
O Tiêu hóa – Dinh dưỡng
O Nhiễm – Thần kinh
O Huyết học
O Sơ sinh

Đường dẫn google form sẽ được gửi cho toàn bộ học viên các khóa và ghi nhận câu trả lời ngẫu nhiên. Tất cả các học viên thực hiện khảo sát trên tinh thần tự nguyện, không thu thập thông tin cá nhân cụ thể. Học viên được thông báo trước rằng các ý kiến khảo sát sẽ không ảnh hưởng đến kết quả học tập, kết quả nghiên cứu chỉ dùng vào mục đích nâng cao chất lượng đào tạo.

Xử lý số liệu

Số liệu sau khi thu thập sẽ được xử lí bằng phần mềm STATA Studio.

Biến số định tính: tính tần số và tỷ lệ phần trăm.

Biến số định lượng: tính trung bình và độ lệch chuẩn với các biến định lượng có phân phối chuẩn; tính giá trị trung vị, khoảng tứ vị với các biến định lượng không có phân phối chuẩn.

Các phép so sánh được coi là có ý nghĩa thống kê khi có $p < 0,05$.

KẾT QUẢ

Trong thời gian khảo sát, chúng tôi ghi nhận được 155 phản hồi từ học viên các khóa. Trong đó, 100 phản hồi (chiếm 64,5%) từ học viên khóa 2022-2024, 45 phản hồi (29%) từ học viên khóa 2021-2023 và 10 phản hồi từ học viên khóa 2020-2022. Tỉ lệ nam/nữ trong các học viên tham gia

phản hồi là 1/2,3. Tuổi trung bình của các học viên tham gia khảo sát là 30 tuổi. Đa số các học viên (96,8%) tốt nghiệp đại học tại các trường Y từ khu vực miền trung trở vào, trong đó ĐHYD TPHCM chiếm tỉ lệ cao nhất (33%), sau đó là Đại học Y Dược Cần Thơ (19%), đại học Y Dược Huế (15%) *(Hình 1)*.

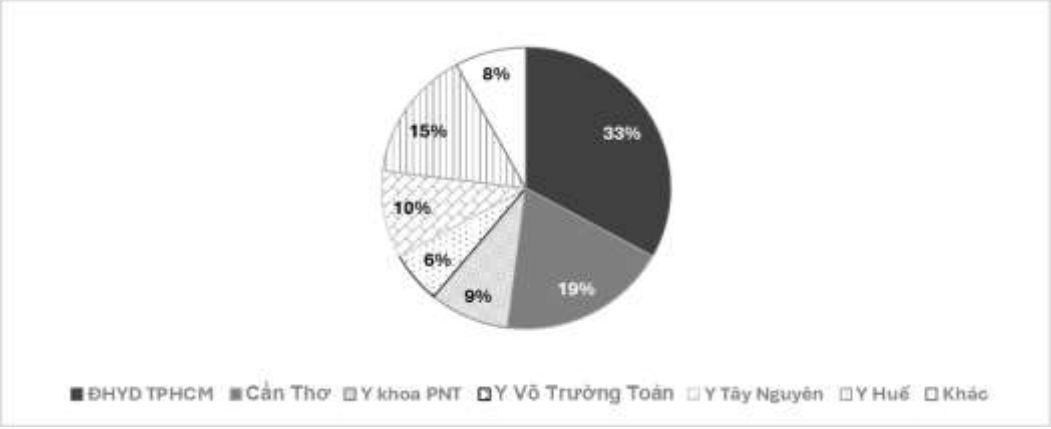

***Hình 1**. Nơi tốt nghiệp đại học của các học viên trong nghiên cứu*

Có 65 học viên (chiếm 41,9%) đang công tác tại các bệnh viện chuyên khoa nhi hoặc bệnh viện sản nhi, còn lại đa số công tác ở các bệnh viện tỉnh (21,3%), bệnh viện huyện (22,6%) và các bệnh viện hoặc phòng khám tư nhân (14,2%).

Khi được khảo sát về mong đợi khi tham gia chương trình chuyên khoa cấp 1 nhi tại ĐHYD TPHCM, 97,4% các học viên mong đợi nhất về mặt kiến thức, kế đến là khả năng tự học và tiến bộ (81,9%). Đáng chú ý, chỉ có 62,6% các học viên lựa chọn bằng cấp là điều mong đợi nhất khi học chuyên khoa cấp 1.

Trên thang điểm từ 1 đến 10, với 1 là mức độ dễ nhất, 10 là mức độ khó nhất, các học viên đánh giá độ khó của kì thi đầu vào ở mức trung bình là 7,5 ± 1,5. Khi so sánh các yếu tố nền tảng của học viên (ví dụ như: tuổi, giới, thâm niên, nơi làm việc, nơi tốt nghiệp đại học) trong đánh giá mức độ khó của lượng giá đầu vào, chúng tôi ghi nhân các học viên có thâm niên hành nghề trên 5 năm đánh giá kỳ thi đầu vào khó hơn các học viên có thâm niên ≤5 năm (p=0,049). Đối với lượng giá đầu ra, các học viên đánh giá độ khó của kì thì đầu ra ở mức trung bình là 7,9 ± 1,0. Trong đó phân môn được đánh giá là lượng giá khó nhất là phân môn tim mạch, dễ nhất là phân môn tiêu hóa.

Khi khảo sát chuyên biệt cho từng phân môn, đa số các học viên đều hài lòng về nội dung và mục tiêu giảng dạy. Tỉ lệ hài lòng và các nội dung đề xuất thêm vào tại mỗi phân môn được trình bày trong *Bảng 2*.

***Bảng 2**. Tỉ lệ hài lòng và nội dung đề xuất về nội dung giảng dạy tại từng phân môn cụ thể*

Phân môn	Tỉ lệ hài lòng (%)	Nội dung đề xuất
Cấp cứu	94,2	Các thủ thuật ở cấp cứu như đặt nội khí quản, cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn
Hồi sức	94,8	Siêu âm tại giường, thở máy cơ bản
Tim mạch	98,7	Nội dung phần khớp còn ít Cách sử dụng máy sốc điện
Thận – nội tiết	95,5	Các rối loạn đi tiểu ở trẻ em Bệnh lý tuyến giáp
Hô hấp	98,1	Lao phổi, đọc CT-scan ngực cơ bản
Tiêu hóa – dinh dưỡng	95,5	Viêm gan siêu vi Các cấp cứu tiêu hóa thường gặp
Nhiễm – thần kinh	92,2	Thủ thuật chọc dò tủy sống Đọc điện não đồ
Huyết học	96,8	Bỏ bớt các bệnh lý huyết học ác tính Thêm phần suy giảm miễn dịch bẩm sinh
Sơ sinh	96,1	Hồi sức phòng sanh

Ngoài ra chúng tôi cũng khảo sát thêm về mức độ tự tin của học viên sau khi kết thúc chương trình đào tạo về một số kĩ năng cơ bản trong chăm sóc sức khỏe trẻ em như: cấp cứu

ngưng hô hấp tuần hoàn, đặt nội khí quản, xử trí suy hô hấp, xử trí sốc, thăm khám, giao tiếp, điều trị các bệnh lý nhi khoa thường gặp nói chung. Kết quả khảo sát được trình bày trong *Bảng 3* (với 1 là ít tự tin nhất, 10 là tự tin nhất).

***Bảng 3**. Mức độ tự tin về một số kĩ năng cơ bản trong chăm sóc sức khỏe trẻ em*

Kỹ năng	Mức độ tự tin
Cấp cứu ngưng hô hấp tuần hoàn	7,3 ± 1,5
Đặt nội khí quản	6,7 ± 2,2
Xử trí suy hô hấp	7,8 ± 1,1
Xử trí sốc	7,4 ± 1,0
Thăm khám và giao tiếp với bệnh nhi và thân nhân	8,3 ± 1,0
Chẩn đoán, điều trị các bệnh lý nhi khoa thường gặp	8,2 ± 1,0

Mức độ hài lòng chung của học viên về chương trình đào tạo là 7,98 ± 1,1 (trên thang điểm: 1 là ít hài lòng nhất và 10 là hài lòng nhất). Chúng tôi cũng tiến hành so sánh để tìm mối liên quan giữa một số yếu tố có thể ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của học viên, kết quả ghi nhận các học viên nữ có mức độ hài lòng cao hơn (p=0,007). Ngoài ra, các học viên có thâm niên ≤5 năm có mức độ hài lòng cao hơn nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê.

BÀN LUẬN

Độ tuổi của các học viên tham gia nghiên cứu dao động từ 29 đến 34 tuổi. Độ tuổi này đại diện cho giai đoạn mà các học viên đã có một nền tảng kiến thức y khoa cơ bản và đang tìm cách nâng cao trình độ chuyên môn. Các học viên lớn tuổi hơn, có thâm niên lâu hơn, với nhiều kinh nghiệm lâm sàng hơn, thường có kỳ vọng cao hơn đối với chương trình đào tạo và có thể nhạy cảm hơn với những thiếu sót trong chương trình. Ngược lại, các học viên trẻ tuổi hơn, thâm niên ít hơn có thể hài lòng hơn với chương trình nếu họ cảm thấy nhận được nhiều hỗ trợ và hướng dẫn từ giảng viên. Chúng tôi cũng ghi nhận được điều này trong khảo sát, tuy nhiên sự khác biệt là không có ý nghĩa thống kê. Một điểm khác cũng rất đáng quan tâm là các học viên có thâm niên trên 5 năm đánh giá độ khó của kỳ thi tuyển sinh đầu vào cao hơn. Điều này có thể do hình thức tuyển sinh đầu vào hiện tại là theo hình thức trắc nghiệm, với nội dung ôn tập tập trung vào các kiến thức nhi khoa cơ bản ở bậc đại học, do đó các học viên đã tốt nghiệp đại học lâu, mặc dù đã có nhiều kinh nghiệm lâm sàng, nhưng vẫn sẽ khó khăn hơn trong việc chuẩn bị kiến thức cho kì thi so với các học viên trẻ hơn, mới tốt nghiệp đại học.

Trong nhóm nghiên cứu, số lượng học viên nữ chiếm ưu thế hơn so với nam, và sự ưu thế này cũng được thể hiện trong danh sách tổng học viên của các khóa. Qua khảo sát, các học viên nữ có điểm đánh giá hài lòng về chương trình đào tạo cao hơn so với nam. Điều này có thể được giải thích do các nữ học viên thường có xu hướng nhạy cảm hơn với môi trường học tập và sự hỗ trợ từ giảng viên, trong khi các nam học viên có xu hướng chú trọng vào cơ hội nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp, đây là lĩnh vực chưa được khảo sát trong phạm vi nghiên cứu này.

Nơi tốt nghiệp đại học cũng là một yếu tố có thể ảnh hưởng đến mức độ hài lòng cũng như khả năng đánh giá mức độ khó của lượng giá đầu vào và đầu ra. Chúng tôi cũng đã tiến hành so sánh để tìm mối liên quan giữa nơi tốt nghiệp đại học và các kết cục trên, tuy nhiên kết quả cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa.

Đối với từng phân môn, mức độ hài lòng về nội dung và mục tiêu học tập là rất cao (>90%), điều này cũng là một điều rất đáng khích lệ cho toàn thể bộ môn nói chung và các giảng viên của từng phân môn nói riêng. Tuy nhiên, vẫn còn đó một số điểm hạn chế cần được cải thiện từ những đề xuất của học viên. Điều này xuất phát từ thời gian thực hành trong khung chương trình chuyên khoa cấp 1 là tương đối ngắn, số lượng học viên trong mỗi đợt khá đông, do đó các nội dung về mặt thực hành có thể không đạt theo mong đợi[5]. Hơn nữa, nhu cầu của các học viên cũng rất đa dạng, tùy thuộc vào kiến thức nền tảng, nơi làm việc và sở thích của mỗi học viên. Ví dụ như các học viên đang làm việc tại các bệnh viên chuyên khoa nhi tuyến cuối sẽ có

nhu cầu về mặt kiến thức cũng như kĩ năng chuyên sâu hơn so với các học viên làm việc ở tuyến cơ sở hoặc các phòng khám tư nhân[8]. Chính vì thế, việc điều chỉnh chương trình để cân bằng các yếu tố này không hề đơn giản và cần được cân nhắc cẩn thận. Qua các khảo sát đề xuất của các học viên như trên, bộ môn chúng tôi cũng sẽ tiến hành rà soát lại và thống nhất để cân nhắc điều chỉnh mục tiêu và nội dung giảng dạy theo hướng phù hợp hơn với nhu cầu của người học.

Về mức độ tự tin khi thực hiện các kỹ năng cơ bản trong thực hành nhi khoa, các học viên cũng tự đánh giá mức độ tự tin khá cao, trong đó kĩ năng đặt nội khí quản là kĩ năng mà các học viên ít tự tin nhất. Điều này cũng phù hợp với thực tế rằng đối với trẻ em, đây là một thủ thuật khó, thường gặp trong các tình huống cấp cứu. Do đó, với thời gian thực hành ngắn, số lượng học viên các khóa đông, thì việc đảm bảo rằng toàn bộ học viên có thể đặt được nội khí quản sau khi kết thúc khóa học là rất khó.

Nghiên cứu này cũng có một số điểm hạn chế, cần được cải thiện trong các nghiên cứu tiếp theo. Thứ nhất, đối tượng nghiên cứu chỉ giới hạn ở trường Đại học Y dược TP.HCM, do đó kết quả có thể không phản ánh đầy đủ tình hình chung tại các cơ sở đào tạo khác. Việc mở rộng nghiên cứu ra nhiều trường đại học và cơ sở đào tạo khác sẽ giúp có cái nhìn toàn diện hơn về mức độ hài lòng của học viên chuyên khoa cấp 1 trong lĩnh vực nhi khoa. Thứ hai, nghiên cứu dựa trên bảng câu hỏi dựng sẵn, có thể dẫn đến sai lệch thông tin từ phía người tham gia. Học viên có thể trả lời theo hướng tích cực hoặc tiêu cực tùy thuộc vào tâm trạng hoặc trải nghiệm gần đây của họ. Việc kết hợp các phương pháp nghiên cứu khác như phỏng vấn sâu hoặc quan sát trực tiếp có thể giúp giảm thiểu sự sai lệch này. Cuối cùng, nghiên cứu chỉ tập trung vào các yếu tố nội tại của chương trình đào tạo như nội dung, mục tiêu đào tạo mà chưa xem xét đến các yếu tố ngoại cảnh như áp lực công việc, cuộc sống cá nhân và sự hỗ trợ từ gia đình và bạn bè. Những yếu tố này cũng có thể ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của học viên và cần được xem xét trong các nghiên cứu tiếp theo.

KẾT LUẬN

Tóm lại, nghiên cứu này đã cung cấp cái nhìn tổng quan về mức độ hài lòng và nhu cầu của học viên chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành nhi khoa đối với chương trình đào tạo. Những phát hiện này không chỉ giúp cải thiện chất lượng giáo dục mà còn góp phần xây dựng, cải tiến chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu và mong đợi của học viên, từ đó nâng cao chất lượng chăm sóc y tế cho trẻ em. Cần có các nghiên cứu tiếp theo để đánh giá hiệu quả của các biện pháp cải thiện và theo dõi sự thay đổi trong mức độ hài lòng của học viên qua thời gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ y tế (2001). Quyết định về Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học. Quyết định 1636/2001/QĐ-BYT.
2. Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2023). Quyết định về việc công nhận trúng tuyển Chuyên khoa cấp I năm 2023 của Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, pp.11-14. Quyết định 1993/QĐ-ĐHYD.
3. Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2023). Quyết định về việc công nhận tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I năm 2023 của Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, pp.10-13. Quyết định 6050/QĐ-ĐHYD.
4. Trần Thị Lý, Lê Văn Nhân, Nguyễn Duy Tài (2023). Sự hài lòng của học viên đối với chất lượng đào tạo liên tục tại bệnh viện Bạch Mai năm 2020-2021. *Y học Việt Nam*, 523(1):163-167. DOI:10.51298/vmj.v523i1.4435.
5. Trần Thị Hảo, Đoàn Quốc Hưng, Lê Minh Giang (2023). Thực trạng năng lực đào tạo sau đại học chuyên khoa nội, ngoại, sản, nhi và truyền nhiễm của một số cơ sở đào tạo ở Việt Nam năm 2021. *Nghiên cứu Y học*, 164(3):237-244. DOI:10.52852/tcncyh.v164i3.1464.
6. Gruber T, Fuß S, Voss R, Gläser-Zikuda M (2010). Examining student satisfaction with higher education services: Using a new measurement tool. *International Journal of Public Sector Management*, 23(2):105-123. DOI:10.1108/09513551011022474.
7. Al-alak BA, Salih A, Alnaser M (2012). Assessing the relationship between higher education service quality dimensions and student satisfaction. *Australian Journal of Basic and Applied Sciences*, 6(1):156-164.
8. Nguyễn Thị Diệu Thúy, Nguyễn Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Thúy Hồng (2022). Thực trạng và nhu cầu bác sĩ chuyên khoa nhi làm việc tại bệnh viện tuyến tỉnh, huyện theo các vùng sinh thái Việt Nam. *Nhi khoa*, 15(5):107-114.

Ngày nhận bài: 05/09/2024
Ngày chấp nhận đăng bài: 18/09/2024
Ngày đăng bài: 20/09/2024